

1.Dividend Investing

- . chiến lược dividend investing là đầu tư để lấy cổ tức từ công ty
- . đầu tư để có thu nhập đều đặn từ cổ tức như 1 khoản thu nhập thụ động định kỳ và ổn định
- . thoải mái về tinh thần, là 1 công cụ để tiến đến tự do tài chính
- . thêm thu nhập là thêm thuế
- . giá trị công ty chia cổ tức đều thường tăng chậm do công ty đã qua giai đoạn tăng trưởng và bắt đầu giai đoạn ổn định

2.Chiến lược Growl Investing

- . $EPS \text{ (earning per share)} = (\text{tổng lợi nhuận} - \text{dividend}) / \text{tổng lượng share}$
=> biểu hiện độ hiệu quả kinh doanh của công ty
- . $P/E \text{ (price to earnings)} = \text{giá cổ phiếu} / EPS$
=> đại diện cho niềm tin của nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ nhà đầu tư sẵn sàng trả so với tỷ lệ lợi nhuận
- . growl investing thường sẽ để ý p/e, nên đầu tư vào thời điểm công ty còn nhỏ và chưa có ai để ý tới
- . tốc độ tăng trưởng trong quá khứ
- . biên độ lợi nhuận
- . ROE (return on equity)
- . Chiến lược growl investing tập trung vào tỷ lệ tăng trưởng của công ty trong tương lai (thường là công ty nhỏ, có p/e cao hơn rất nhiều so với xung quanh)

3.Chiến lược Value investing

- . value investing không đặt nặng tình trạng công ty mà tập trung vào giá trị công ty so với giá thị trường dựa trên cung và cầu
- . tìm ra công ty có cổ phiếu giá trị thấp hơn giá trị thực
- . tỷ lệ return và rủi ro thấp hơn
- . thời gian giữ lâu
- . cần nhiều kỹ thuật và kiến thức để phân tích
- . hướng đến công ty đã phát triển
- . dựa trên p/e công ty và p/e industry

4.Đầu tư vào Mutual Fund

- . Mutual Fund (quỹ tương hỗ) là nhờ người khác đầu tư giúp
 - . có chuyên gia đầu tư thay, đa số sử dụng active investing
 - . có phí management fee 1 - 2% bất kể lời hay lỗ
 - . performance fee khoảng 20% khi có lợi nhuận
 - . diversify - không phải bỏ hết trứng vào 1 giỏ
 - . thường có tỷ lệ lợi nhuận trong 20 30 năm sẽ thấp hơn so với thị trường
 - . tính linh động không cao như cổ phiếu, thường có giới hạn tối thiểu
- . Hedge fund (quỹ kín)
 - . giống công ty quản lý quỹ cho giới nhà giàu
 - . yêu cầu vốn tối thiểu lớn và yêu cầu nhất định với người tham gia

5. Đầu tư vào Index Fund & ETF

- . Index fund
 - . tăng giảm khá tương đồng với các top index sát nhất với tỷ lệ tăng trưởng chung với index
 - . phí quản lý thấp tới rất thấp, tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với mutual fund
 - . yêu cầu redemption fee/exit fee
 - . hầu hết đầu tư theo passive investing
 - . hoạt động như 1 công ty nhân, giao dịch phức tạp hơn
- . ETF (Exchange traded fund) - quỹ hoán đổi danh mục
 - . quỹ này sẽ được niêm yết trực tiếp trên thị trường chứng khoán
 - . hầu hết đầu tư theo passive investing
 - . hoạt động như một công ty đại chúng
 - . phí của ETF thấp hơn cả Index Fund nhưng cần trả phí giao dịch vì ETF cần giao dịch như 1 loại cổ phiếu
 - . không giới hạn đầu tư tối thiểu